

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thu

Ông Đào Duy Chuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: **Không.**

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29/80/66 đường X, tổ 1 H, phường X, Thành phố Hà Nội

Số CCCD: 038089025082 cấp ngày 28/9/2022

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố S, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038191006062 cấp ngày 26/3/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025, các lời khai, trình bày có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

Anh B và chị Hoàng Thị Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận G, Thành phố Hà Nội (cũ), nay là phường Y, thành phố Hà Nội ngày 30/12/2022. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Từ tháng 8/2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Về con: Vợ chồng không có con chung nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Q trình bày: Chị Q và anh Lê Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, do điều kiện công việc, anh B là bộ đội phải ở trong đơn vị nên vợ chồng không chung sống với nhau, thi thoảng mới gặp nhau. Đến tháng 5/2023, anh B ra quân nhưng vợ chồng cũng không ở với nhau. Anh B thuê nhà ở phường X, thành phố Hà Nội còn chị Q thì học ở Đ. Tháng 9/2024, chị Q học xong về Thanh Hóa, từ đó vợ chồng sống ly thân, không gặp lại nhau. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị Q, chị Q xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị là không lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng không có con chung, hiện tại chị Q cũng không thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Lê Văn B khởi kiện xin ly hôn chị Hoàng Thị Q; bị đơn - chị Q có địa chỉ tại xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự.*

Anh Lê Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân:* Anh Lê Văn B và chị Hoàng Thị Q tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND phường T, Quận G, Thành phố Hà Nội (cũ), nay là phường Ya, thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn anh B và chị Q đưa ra là khác nhau nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2024 đến nay, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, mong muốn được đoàn tụ của chị Q với lý do mâu thuẫn vợ chồng không lớn là không phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, xử cho anh B được ly hôn chị Q.

[2.2]. *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung, hiện tại chị Q không thai nghén gì, anh B và chị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản và công nợ*: Anh B, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí*: Nguyên đơn anh Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, **Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Anh Lê Văn B được ly hôn chị Hoàng Thị Q.

2. *Về án phí*: Anh Lê Văn B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001650, ký hiệu: BLTU/25E ngày 15/10/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Y, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân